

PHÁT TRIỂN DU LỊCH SÁNG TẠO GẮN VỚI CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TẠI CÁC ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ HÀM Ý QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Trần Hoàng Kim & Lê Thế Hiển

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: tranhoangkim@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển dịch mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và kinh tế số, việc phát triển du lịch sáng tạo gắn với công nghiệp văn hóa tại các đô thị di sản đòi hỏi sự đổi mới căn bản về phương thức quản lý nhà nước. Đề tài trình bày nội dung mô tả sơ bộ và đánh giá thực trạng hoạt động phát triển công nghiệp văn hóa sáng tạo và mô hình kinh tế - dịch vụ du lịch của một số địa phương tại Việt Nam như Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh, có đối sánh và học hỏi kinh nghiệm của các nước trong khu vực như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản. Qua đó, đề tài tập trung giải quyết các điểm nghẽn thể chế cốt lõi dưới góc độ quản lý nhà nước, bao gồm: khung pháp lý về cơ chế thử nghiệm (sandbox), phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền, công cụ tài chính cho hợp tác công - tư (PPP) và hạ tầng dữ liệu số dùng chung. Bằng cách tiếp cận định tính và sử dụng phương pháp nghiên cứu thể chế, phân tích chính sách và so sánh trường hợp, bài viết đề xuất mô hình 4 trụ cột chính sách nhằm chuẩn hóa năng lực thực thi của Nhà nước, khơi thông nguồn vốn văn hóa trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa. Bài viết đóng góp một số hàm ý chính sách về phát triển du lịch sáng tạo gắn với công nghiệp văn hóa.

Từ khóa: Du lịch sáng tạo; công nghiệp văn hóa; kinh tế di sản; đô thị di sản; chuyển đổi số; quản lý nhà nước.

DEVELOPING CREATIVE TOURISM ASSOCIATED WITH CULTURAL INDUSTRIES IN VIETNAMESE URBAN AREAS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION: INTERNATIONAL EXPERIENCES AND IMPLICATIONS FOR STATE MANAGEMENT

Abstract: In the context of the operational model based on intellectual and digital economy, the development of creative tourism in line with cultural industry in heritage cities requires an innovative approach in governmental management. This research presents an overview description and evaluation of the creative cultural industry and pilot examples of the tourism service industry of popular cities in Vietnam such as Ha Noi, Hue, and Ho Chi Minh City, with a comparative analysis of other Asian countries like China, Japan and South Korea. Then, the current study focuses on resolving some institutional bottlenecks from the perspective of public administration, including: mechanism sandbox of authorities, segmentation of management levels, financial tools for PPP and digital infrastructure for common uses. This research also employs the qualitative approach, using institutional studies and policy analysis, along with comparative case study to provide a four-pillar conceptual framework of public administration of Vietnam's central government, in order to facilitate the cultural capital in the digital transformation and globalization era. Therefore, this article can contribute some practical implications in terms of integrating the cultural industry with creative tourism and innovation in the service industry.

Keywords: Creative tourism; cultural industries; heritage economy; heritage cities; digital transformation; state management.

Nhận bài: 10/08/2026

Phản biện: 10/09/2026

Duyệt đăng: 14/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự chuyển dịch từ du lịch di sản truyền thống sang du lịch sáng tạo (Richards & Raymond, 2000), kết hợp với công nghiệp văn hóa và chuyển đổi số, đang làm thay đổi cấu trúc kinh tế tại các đô thị di sản lớn của Việt Nam như Hà Nội, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh triển khai các định hướng tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 và Nghị quyết số 263/NQ-CP tháng 9/2026 của Chính phủ, quản lý nhà nước (QLNN) về du lịch không chỉ dừng ở bảo tồn di sản mà cần hướng tới quản trị hệ sinh thái kinh tế đa giá trị.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy QLNN trong lĩnh vực này còn gặp nhiều thách thức như sự chồng

chéo chức năng giữa các cơ quan, thiếu cơ chế thử nghiệm (sandbox) cho các mô hình mới, hạn chế trong chia sẻ dữ liệu và liên kết công - tư. Vì vậy, cần làm rõ vai trò của Nhà nước, công cụ quản lý, phân cấp trách nhiệm và cơ chế phối hợp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch sáng tạo gắn với công nghiệp văn hóa.

Tại Việt Nam, mặc dù Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, sự phối hợp giữa du lịch với các lĩnh vực liên quan như giao thông, ngoại giao, tài chính và công thương vẫn còn hạn chế. Các địa phương có lợi thế về du lịch thể hiện sự năng

động trong thu hút đầu tư và phát triển sản phẩm mới, nhưng vẫn tồn tại tình trạng phát triển phân tán, thiếu liên kết vùng và nguy cơ khai thác di sản thiếu bền vững.

Từ bối cảnh trên, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi: (1) Du lịch sáng tạo gắn với công nghiệp văn hóa và kinh tế di sản có những đặc trưng nào cần được xem xét trong QLNN? (2) Các quốc gia đã áp dụng những công cụ thể chế và chính sách nào để phát triển lĩnh vực này? (3) Những bài học nào có thể tham khảo cho Việt Nam? Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách nhằm tăng cường vai trò kiến tạo, điều phối và bảo đảm lợi ích công của Nhà nước trong phát triển du lịch sáng tạo tại các đô thị di sản.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Du lịch sáng tạo và kinh tế di sản

Du lịch sáng tạo được Richards và Raymond (2000) tiếp cận như một hình thức du lịch trong đó du khách tham gia tích cực vào các trải nghiệm văn hóa nhằm phát triển khả năng sáng tạo. Khác với du lịch di sản truyền thống chủ yếu dựa trên quan sát, du lịch sáng tạo nhấn mạnh trải nghiệm, tương tác, học hỏi và đồng sáng tạo. Giá trị của sản phẩm du lịch không chỉ nằm ở tài nguyên vật chất mà còn ở tri thức, kỹ năng, câu chuyện và sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Theo Throsby (2001), vốn văn hóa có khả năng tạo ra cả giá trị văn hóa và kinh tế. Từ góc nhìn này, kinh tế di sản là quá trình huy động, quản lý và tái đầu tư các giá trị vật thể, phi vật thể của di sản nhằm tạo ra lợi ích kinh tế, xã hội và văn hóa bền vững. Du lịch sáng tạo đóng vai trò kết nối vốn văn hóa với thị trường thông qua các sản phẩm và trải nghiệm.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, khai thác di sản không chỉ dừng ở số hóa tư liệu mà còn bao gồm xây dựng dữ liệu mở, phát triển sản phẩm văn hóa số và ứng dụng công nghệ để tạo trải nghiệm tương tác. Tuy nhiên, quá trình này cần gắn với quản lý chất lượng dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ, quyền của cộng đồng và tính chính xác của nội dung di sản.

2.2. Công nghiệp văn hóa trong bối cảnh đổi mới sáng tạo

Công nghiệp văn hóa trong bối cảnh đổi mới sáng tạo là mô hình phát triển dựa trên sự kết hợp giữa giá trị văn hóa, bản sắc truyền thống và công

nghệ số nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Các định hướng gần đây của Việt Nam như Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026), Chỉ thị số 30/CT-TTg và quá trình xây dựng Luật Phát triển công nghiệp văn hóa thể hiện sự chuyển dịch tư duy từ xem văn hóa là lĩnh vực tiêu dùng ngân sách sang ngành kinh tế có khả năng tạo giá trị.

Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với xây dựng thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa, khai thác hiệu quả nguồn lực di sản và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, quảng bá bản sắc dân tộc và thúc đẩy vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.3. Vai trò của quản lý nhà nước

Trong phát triển du lịch sáng tạo và công nghiệp văn hóa, Nhà nước không chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính mà còn đóng vai trò kiến tạo thể chế, điều phối lợi ích, cung cấp hạ tầng công, bảo vệ di sản và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Do tính liên ngành của lĩnh vực này, quản lý nhà nước cần chuyển từ cách tiếp cận đơn ngành sang phối hợp giữa văn hóa, du lịch, quy hoạch, tài chính, khoa học công nghệ, chính quyền địa phương và cộng đồng.

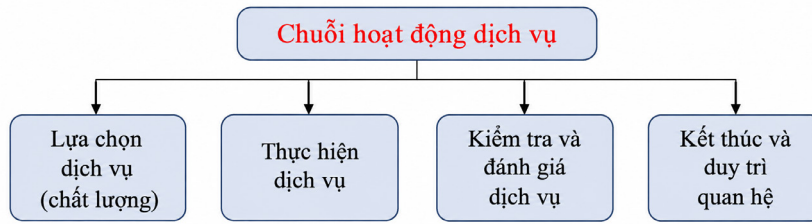
Theo đó, Nhà nước giữ ba chức năng chính: (i) kiến tạo thể chế thông qua xây dựng hành lang pháp lý minh bạch; (ii) điều phối liên ngành, liên vùng nhằm cân bằng giữa bảo tồn và phát triển; (iii) kích hoạt nguồn lực thông qua chính sách đầu tư, PPP và các cơ chế hỗ trợ khu vực tư nhân. Vai trò của Nhà nước là tạo môi trường thuận lợi cho hệ sinh thái sáng tạo phát triển thay vì trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, bao gồm tổng quan tài liệu, phân tích chính sách và so sánh trường hợp. Nguồn dữ liệu gồm các nghiên cứu về du lịch sáng tạo, kinh tế văn hóa, di sản; báo cáo của tổ chức quốc tế; văn bản chính sách của Việt Nam và tài liệu về kinh nghiệm quốc tế.

Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm nhận diện sự khác biệt về thể chế, cơ chế tài chính, quản trị dữ liệu, hợp tác công - tư và phát triển nguồn nhân lực giữa các trường hợp nghiên cứu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu rút ra các bài học và đề xuất hàm ý chính sách phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Mô hình/khung phân tích được thể hiện qua sơ đồ trực quan như sau:



Nguồn: tác giả tổng hợp (2026)

III. THỰC TRẠNG VÀ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN DU LỊCH SÁNG TẠO GẮN VỚI CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA

3.1. Hà Nội: Đô thị sáng tạo và Cực tăng trưởng du lịch phía Bắc

Hà Nội có hệ thống di sản lịch sử - văn hóa và làng nghề phong phú, đồng thời gia nhập Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO trong lĩnh vực Thiết kế năm 2019. Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về phát triển công nghiệp văn hóa, đồng thời triển khai nhiều không gian và chương trình kết hợp di sản với trải nghiệm sáng tạo như không gian phố đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm, Văn Miếu - Quốc Tử Giám và Hoàng thành Thăng Long. Tuy nhiên, từ góc độ quản lý nhà nước, một số vấn đề còn đặt ra. Cơ chế khai thác tài sản công và không gian di sản cho hoạt động sáng tạo chưa thật linh hoạt; nguồn lực còn phân tán; phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý chưa hình thành cơ chế điều phối thống nhất; dữ liệu di sản chưa được tổ chức thành hệ thống dùng chung phục vụ cộng đồng sáng tạo.

3.2. Thừa Thiên Huế: Đô thị di sản và Trung tâm văn hóa - du lịch đặc sắc

Huế sở hữu hệ thống di sản gắn với không gian Cổ đô và đã triển khai nhiều chính sách kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch. Các chương trình như Đêm Hoàng cung, trình diễn nghệ thuật và Festival bốn mùa tạo thêm không gian để văn hóa trở thành nguồn lực cho du lịch và các ngành dịch vụ phụ trợ. Tuy nhiên, hạn chế nổi bật là các trải nghiệm sáng tạo còn phụ thuộc đáng kể vào hình thức trình diễn truyền thống; ứng dụng công nghệ mới chưa đồng đều; nguồn lực đầu tư vẫn phụ thuộc nhiều vào ngân sách và các quỹ bảo tồn; môi trường để thu hút doanh nghiệp công nghiệp văn hóa quy mô lớn cần tiếp tục được cải thiện. Vì vậy, bài toán của Huế là cân bằng giữa bảo tồn, đổi mới trải nghiệm và huy động nguồn lực xã hội.

3.3. Thành phố Hồ Chí Minh: Hệ sinh thái Sáng tạo năng động

Thành phố Hồ Chí Minh có hệ sinh thái sáng tạo, dịch vụ và thương mại năng động, đồng thời đã ban hành Đề án phát triển ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030 với tám lĩnh vực trọng tâm. Các không gian như phố đi bộ Nguyễn Huệ, đường sách, khu vực Bùi Viện và các tổ hợp nghệ thuật tư nhân cho thấy khả năng kết hợp công nghiệp văn hóa với kinh tế đêm và du lịch trải nghiệm. Dù vậy, sự phát triển nhanh của thị trường chưa đi kèm đầy đủ với hạ tầng và cơ chế quản trị công tương ứng. Những vấn đề về không gian sáng tạo, cơ chế tài chính, tín dụng và quỹ hỗ trợ cho doanh nghiệp văn hóa sáng tạo vẫn cần được giải quyết. Đây là trường hợp cho thấy vai trò của Nhà nước không phải thay thế thị trường mà là tạo lập điều kiện để thị trường văn hóa sáng tạo phát triển theo hướng có trật tự và bền vững.

3.4. Kinh nghiệm từ các nước

Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy vai trò kiến tạo mạnh của Nhà nước trong việc kết hợp văn hóa, du lịch, công nghệ và thị trường. Các chương trình đổi mới sáng tạo văn hóa - du lịch, cơ sở dữ liệu văn hóa và các dự án số hóa di sản như Digital Dunhuang cho thấy Nhà nước có thể tạo hạ tầng dữ liệu, thiết lập tiêu chuẩn và hỗ trợ thử nghiệm để doanh nghiệp phát triển sản phẩm. Bài học có thể tham khảo là cần xác lập rõ vai trò của Nhà nước trong xây dựng tiêu chuẩn, dữ liệu và cơ chế hỗ trợ, đồng thời tạo không gian cho doanh nghiệp và các chủ thể sáng tạo khai thác giá trị di sản.

Hàn Quốc chú trọng kết hợp chính sách di sản với công nghiệp sáng tạo và công nghệ số. Kinh nghiệm được nêu trong nghiên cứu này cho thấy việc chuẩn hóa dữ liệu, kiểm soát chất lượng nội dung và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới có thể tạo ra cầu nối giữa tài nguyên di sản và các ngành công nghiệp sáng tạo. Bài học đối với Việt Nam

là phát triển dữ liệu di sản cần đồng thời quan tâm đến chuẩn dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ, chất lượng nội dung và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp sáng tạo. Mô hình hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu cũng có thể tạo điều kiện cho chuyển giao công nghệ.

Kinh nghiệm Kyoto cho thấy di sản có thể được bảo tồn đồng thời với đổi mới trải nghiệm nếu có cơ chế quản trị và tài chính phù hợp. Sự kết hợp giữa nghệ nhân, doanh nghiệp công nghệ, thiết kế hiện đại và các không gian sáng tạo giúp di sản tiếp tục được sử dụng trong đời sống đương đại. Điểm có thể tham khảo đối với Việt Nam là thiết kế cơ chế huy động nguồn thu từ du lịch để tái đầu tư cho bảo tồn và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời xây dựng cơ chế hợp tác với khu vực tư nhân dưới sự giám sát của cơ quan nhà nước.

Từ các trường hợp trên, có thể nhận diện bốn nhóm yếu tố có tính xuyên suốt. Thứ nhất, thể chế và chính sách cần nhất quán, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước và cơ chế phối hợp liên ngành. Thứ hai, dữ liệu và hạ tầng số là nền tảng để mở rộng khả năng khai thác di sản nhưng phải đi cùng tiêu chuẩn, quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ lợi ích cộng đồng. Thứ ba, tài chính và hợp tác công - tư có vai trò quan trọng trong việc giảm phụ thuộc vào ngân sách. Thứ tư, hệ sinh thái sáng tạo cần kết nối Nhà nước, doanh nghiệp, nghệ nhân, cộng đồng, cơ sở nghiên cứu và người sử dụng. Các bài học trên không nên được sao chép nguyên trạng. Trung Quốc và Hàn Quốc thể hiện rõ vai trò dẫn dắt của Nhà nước; Nhật Bản nhấn mạnh sự gắn kết giữa bảo tồn, cộng đồng và thị trường; trong khi các mô hình đô thị sáng tạo cho thấy tầm quan trọng của hệ sinh thái doanh nghiệp và nguồn nhân lực. Việt Nam cần lựa chọn và điều chỉnh các công cụ chính sách theo điều kiện thể chế và nguồn lực của từng địa phương.

IV. MÔ HÌNH “4 TRỤ CỘT” ĐỂ THÁO GỠ CÁC ĐIỂM NGHẼN VÀ TĂNG ĐIỂM CHẠM TRONG DU LỊCH VĂN HÓA

4.1. Hoàn thiện thể chế và cơ chế thử nghiệm

Cần tiếp tục hoàn thiện khung thể chế cho phát triển du lịch sáng tạo và công nghiệp văn hóa tại các đô thị di sản theo hướng liên ngành, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường phân cấp cho địa phương đi kèm cơ chế kiểm soát quyền lực. Nhà nước cần tập trung vào chuyển đổi số, bảo hộ sở hữu trí tuệ, phát triển hạ tầng sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đối với các mô hình mới như kinh tế đêm, sản phẩm văn hóa số và khai thác không gian di sản cho hoạt động sáng tạo, cần xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát với phạm vi, tiêu chí đánh giá, trách nhiệm và cơ chế quản lý rủi ro rõ ràng. Việc khai thác phải bảo đảm không làm tổn hại giá trị di sản và lợi ích của cộng đồng.

4.2. Xây dựng hạ tầng dữ liệu số di sản quốc gia

Cần xây dựng hệ thống dữ liệu di sản có khả năng liên thông giữa cơ quan quản lý, điểm đến, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu, bao gồm tư liệu lịch sử, mô hình 3D, hình ảnh, âm thanh và bản đồ số. Việc chia sẻ dữ liệu cần gắn với quy định về quyền sử dụng, bảo vệ dữ liệu và lợi ích của cộng đồng.

Trọng tâm của chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ mới mà là tạo lập dữ liệu chất lượng, có khả năng tái sử dụng để hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch sáng tạo, cá nhân hóa trải nghiệm và nâng cao hiệu quả quản trị điểm đến.

4.3. Đổi mới cơ chế tài chính và hợp tác công - tư (PPP)

Phát triển du lịch sáng tạo cần kết hợp nguồn lực nhà nước với đầu tư từ doanh nghiệp và cộng đồng. Cần đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo tồn, xúc tiến du lịch số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và phát triển các dự án đổi mới sáng tạo.

Các mô hình hợp tác công - tư (PPP) cần được nghiên cứu áp dụng trong phát triển không gian văn hóa, thiết chế sáng tạo và sản phẩm du lịch dựa trên di sản. Nguồn thu từ hoạt động du lịch nên được tái đầu tư cho bảo tồn, số hóa di sản, đào tạo nhân lực và phát triển sản phẩm sáng tạo, ưu tiên các dự án tạo giá trị văn hóa, kinh tế và xã hội bền vững.

4.4. Phát triển hệ sinh thái sáng tạo, cộng đồng và nguồn nhân lực

Du lịch sáng tạo cần được phát triển trên cơ sở liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp, nghệ nhân, cộng đồng, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ. Các không gian sáng tạo di sản có thể trở thành nơi thử nghiệm sản phẩm, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ khởi nghiệp.

Bên cạnh nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa, kinh tế di sản, chuyển đổi số và hợp tác công - tư, cần chú trọng đào tạo kỹ năng số và năng lực sáng tạo cho nghệ nhân, cộng đồng và lao động du lịch. Sự tham gia của cộng đồng cần được xem là nguyên tắc quan trọng nhằm bảo đảm

người dân địa phương được hưởng lợi và tham gia vào quá trình khai thác di sản.

V. KẾT LUẬN

Phát triển du lịch sáng tạo gắn với công nghiệp văn hóa tại các đô thị di sản là hướng tiếp cận nhằm kết hợp bảo tồn di sản với phát triển kinh tế và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, hiệu quả của mô hình này phụ thuộc không chỉ vào công nghệ hay sản phẩm mới mà còn vào chất lượng thể chế, năng lực quản trị, cơ chế phối hợp và khả năng huy động nguồn lực xã hội.

Kinh nghiệm quốc tế từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và thực tiễn Việt Nam cho thấy Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và điều phối thông qua xây dựng thể chế, phát triển hạ tầng công, bảo

đảm dữ liệu và quyền sở hữu trí tuệ, huy động nguồn lực, thiết lập tiêu chuẩn và bảo vệ lợi ích công. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp: (1) hoàn thiện thể chế và cơ chế thử nghiệm; (2) phát triển hạ tầng dữ liệu số về di sản; (3) đổi mới cơ chế tài chính và hợp tác công - tư; (4) xây dựng hệ sinh thái sáng tạo gắn với cộng đồng và nguồn nhân lực.

Việc triển khai các giải pháp cần phù hợp với điều kiện của từng đô thị, tránh áp dụng máy móc mô hình quốc tế. Các nghiên cứu tiếp theo cần tiếp tục đánh giá tác động của các công cụ chính sách đối với bảo tồn di sản, năng lực cạnh tranh điểm đến, sinh kế cộng đồng và sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới, Hà Nội.
- Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2026). Báo cáo thực trạng và giải pháp đổi mới cơ chế tài chính, thu hút nguồn lực xã hội hóa và hợp tác công - tư trong phát triển du lịch bền vững. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam. Truy cập tại: www.vietnamtourism.gov.vn.
- Chính phủ (2026), Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 07/9/2026 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, Hà Nội.
- Florida, R. (2002), *The Rise of the Creative Class: And How It's Transforming Work, Leisure, Community, and Everyday Life*, Basic Books, New York.
- Korea Heritage Service (2024), *Digital Cultural Heritage Source Resource Distribution Strategy and Policy*, Seoul.
- Kyoto City Government & World Bank (2021), *Kyoto: A Creative City - Integrating Cultural Heritage and Urban Innovation*, World Bank Report.
- OECD (2022), *The Culture Fix: Creative People, Places and Industries for Local Development*, OECD Publishing, Paris.
- Quốc hội (2023), Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- Richards, G., & Raymond, C. (2000), "Creative Tourism", *ATLAS News*, (23), 16-20.
- Thành ủy Hà Nội (2022), Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/02/2022 về phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội.
- Throsby, D. (2001), *Economics and Culture*, Cambridge University Press.
- Trần Thị Dung & Võ Trí Thành (2023), Phát triển không gian sáng tạo ven sông Sài Gòn dưới góc độ kinh tế di sản và du lịch trải nghiệm, *Tạp chí Phát triển Kinh tế Dân số & Đô thị*, số 48, tr. 112-120.
- World Tourism Organization. (2019). *Guidelines for Institutional Strengthening of Destination Management Organizations (DMOs) – Preparing DMOs for new challenges*. UNWTO.
- World Tourism Organization & Griffith Institute for Tourism. (2015). *Global Report on Public-Private Partnerships: Tourism Development (Affiliate Members Report Volume 11)*. UNWTO.
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2020), Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 phê duyệt Đề án "Phát triển ngành Công nghiệp văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030", TP. Hồ Chí Minh.
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2021), Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế đêm tại Thành phố Hồ Chí Minh", TP. Hồ Chí Minh.
- UNESCO (2021), *Cities, Culture, Creativity: Leveraging Culture and Creativity for Sustainable Urban Development and Inclusive Growth*, World Bank & UNESCO Report, Washington D.C.